TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2023/DS -ST
Ngày: 21 tháng 4 năm 2023
V/v tranh chấp: "*Hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vui.
2. Bà Lê Thị Gắn.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Lưu Duy Mạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gò Công Đông

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Hoàng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 322/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2022, về việc tranh chấp: *"Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 82/2023/QĐST- DS ngày 30 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị P, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện GCĐ, tỉnh TG.

Đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị P: Anh Trần Quang V, sinh năm 1984 (Giấy ủy quyền số chứng thực 128 quyển số 01/2022 SCT/CK,ĐC) (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã B, huyện GCĐ, tỉnh TG.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn S (Trần Văn S), sinh năm 1983 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn Tân H, huyện GCĐ, tỉnh TG.

3. Người làm chứng: Anh Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1972 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố 4, phường 1, thị xã G, tỉnh TG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn anh Trần Quang V trình bày*:

Do có mối quan hệ quen biết nên chị P có cho anh Bùi Văn S (tên gọi khác là Trần Văn S) vay nhiều lần, cụ thể như sau:

+ Lần 1: Ngày 22/02/2022, anh S vay số tiền 30.000.000 đồng để làm ăn, thời hạn vay 01 tháng trả lại vốn, không tính lãi. Anh S có viết và ký tên trên "Biên nhận nhận tiền".

+ Lần 2: Ngày 25/05/2022, anh S vay số tiền 50.000.000 đồng để làm ăn, thời hạn vay 01 tháng trả lại vốn, không tính lãi. Anh S có viết và ký tên trên "Biên nhận nhận tiền".

Khi đến hạn thanh toán ngày 23/3/2022 thì anh S yêu cầu cho anh S nợ vài ngày sẽ trả nên ngày 25/5/2022 chị P tiếp tục cho anh S mượn thêm 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ thì anh S không thực hiện đúng như đã cam kết.

Nay chị P yêu cầu anh Bùi Văn S (tên gọi khác Trần Văn S) có nghĩa vụ trả cho chị số tiền vốn vay còn nợ là 80.000.000 đồng và số tiền lãi trên số tiền vốn gốc với mức lãi suất vay theo quy định là 10%/năm (0,83%/tháng) tính từ ngày 27/6/2022 đến ngày 21/4/2023 là 6.529.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 86.529.000 đồng. Thời gian sau khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn anh Bùi Văn S (Trần Văn S) đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị P.*

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có kiến nghị.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị P, buộc anh Bùi Văn S (Trần Văn S) có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền 80.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 27/6/2022 đến ngày xét xử, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị P yêu cầu anh Bùi Văn S (Trần Văn S) có nghĩa vụ trả số tiền vay còn nợ nên đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, Bị đơn anh Bùi Văn S (Trần Văn S) cư trú trên địa bàn huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn anh Bùi Văn S (Trần Văn S) đã được Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lý do, người làm chứng anh Nguyễn Ngọc M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập dự phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy, trong hồ sơ vụ án đã có lời khai của anh Nguyễn Ngọc M về những vấn đề liên quan. Đại diện ủy quyền của nguyên đơn anh Trần Quang Vũ, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông cũng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của bị đơn anh Bùi Văn S (Trần Văn S), người làm chứng anh Nguyễn Ngọc M và đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị P yêu cầu anh Bùi Văn S (tên gọi khác Trần Văn S) có nghĩa vụ trả cho chị số tiền vốn vay là 80.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đại diện ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa thể hiện: Chị P có cho anh S vay 02 lần cụ thể:

+ Ngày 22/2/2022 cho vay 30.000.000 đồng, thời hạn vay là một tháng kể từ ngày 22/02/2022 đến ngày 22/3/2022 sẽ trả lại số tiền mượn 30.000.000 đồng, các bên không thỏa thuận mức lãi suất khi vay.

+ Ngày 25/5/2022 cho vay 50.000.000 đồng, thời hạn vay là một tháng, các bên không thỏa thuận mức lãi suất khi vay.

Các bên có lập biên nhận nhận tiền và có anh Nguyễn Ngọc M chứng kiến việc này nên Hội đồng xét xử nhận định giữa chị P và anh S có thực hiện giao kết hợp đồng vay tài sản, chị P là bên cho vay và anh S là bên vay tiền. Tuy nhiên, từ thời điểm chị P cho anh S vay tiền cho đến nay thì anh S vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị P mặc dù chị P đã nhiều lần liên hệ yêu cầu anh S trả nợ nên anh S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của chị P đã giao nộp cho Tòa án 02 biên nhận nhận tiền ngày 22/2/2022, ngày 25/5/2022 và xác định chữ ký tên S, ghi rõ họ tên Bùi Văn S là chữ ký, chữ viết của anh S nên căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:"*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh sự phản đối đó*" thì xem như chị P đã đưa ra chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nếu anh S không thừa nhận các chứng cứ trên thì phải phải có nghĩa vụ

chứng minh. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh Bùi Văn S (tên gọi khác Trần Văn S) đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh không đến Tòa án, không thể hiện ý chí phản đối các chứng cứ mà chị P đã giao nộp, không đưa ra tài liệu, chứng cứ phản đối yêu cầu khởi kiện của chị và vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên tòa thì anh S phải chịu hậu quả của việc không đưa ra chứng cứ chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đồng thời đây cũng là những tình tiết và sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/02/2023, anh Nguyễn Ngọc M xác định anh có trực tiếp chứng kiến việc chị Lê Thị P cho anh Bùi Văn S (tên gọi khác Trần Văn S) vay vào ngày 22/02/2022, ngày 25/5/2022 với tổng số tiền vay là 80.000.000 đồng và chứng kiến việc anh S ký tên xác nhận vào trong biên nhận nhận tiền ngày 22/02/2022 và 25/5/2022, đồng thời xác nhận 02 biên nhận nhận tiền ngày 22/02/2022, ngày 25/5/2022 mà chị P giao nộp cho Tòa án là 02 biên nhận nhận tiền mà anh S ký tên xác nhận.

Do đó, việc chị P yêu cầu anh S phải trả số tiền vốn vay còn nợ 80.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của chị Lê Thị P về việc yêu cầu anh Bùi Văn S (tên gọi khác Trần Văn S) trả lãi đối với số tiền vốn vay còn nợ 80.000.000 đồng tính từ ngày 27/6/2023 đến ngày 21/4/2023 với mức lãi suất 0.83%/tháng số tiền là 6.529.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, tuy nội dung trong biên nhận nhận tiền ngày 22/02/2022, 25/5/2022 mà chị P giao nộp cho Tòa án không thể hiện việc thỏa thuận về lãi suất vay nhưng việc anh S chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền như đã thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị P nên anh S phải có trách nhiệm trả tiền lãi đối với số tiền vốn vay còn nợ 80.000.000 đồng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Việc chị P yêu cầu tính lãi với mức lãi suất lãi suất 0.83%/tháng, tính lãi từ ngày 27/6/2022 đến ngày 21/4/2022, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu tính lãi của chị P với mức lãi suất, thời gian tính lãi với số tiền là 6.529.000 đồng như nêu trên là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 do bị đơn anh S đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền như các bên đã thỏa thuận khi vay tiền nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị P yêu cầu anh S về thời gian trả số tiền vốn vay và tiền lãi tổng cộng là 86.529.000 đồng sau khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy, anh S đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo như các bên đã thỏa thuận khi vay tiền nên yêu cầu của chị Lê Thị P về thời gian trả như nêu trên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị P được chấp nhận nên không phải chịu án phí, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị đơn anh Bùi Văn S (tên gọi khác Trần Văn S) phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị P.

Buộc anh Bùi Văn S (tên gọi khác Trần Văn S) phải trả cho chị Lê Thị P số tiền vốn vay là 80.000.000 đồng và tiền lãi là 6.529.000 đồng. Tổng cộng là 86.529.000 đồng *(Tám mươi sáu triệu năm trăm hai mươi chín ngàn đồng)*. Thời gian thực hiện sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Chị Lê Thị P được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 2.089.000 đồng theo biên lai số 0028379 ngày 13/12/2022 của Chi cục Thi hành án huyện Gò Công Đông.

- Anh Bùi Văn S (tên gọi khác Trần Văn S) phải chịu 4.326.450 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND H.GCĐ;
- CC.THADS H.GCĐ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Lê Ngọc Duy Linh